

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÁNG 04 NĂM 2022

MỤC LỤC

Chương 1 ĐIỀU KHOẢN CHUNG4

 Điều 1. Định nghĩa 4

 Điều 2. Hình thức và tên gọi Công ty 5

 Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán 5

 Điều 4. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện 5

 Điều 5. Thời hạn hoạt động 5

 Điều 6. Người đại diện theo pháp luật 5

Chương 2 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU6

 Điều 7. Vốn Điều lệ 6

 Điều 8. Cổ phần 6

 Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông 6

 Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông 7

 Điều 11. Cổ phần ưu đãi và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi 7

 Điều 12. Cổ phiếu 8

 Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông 8

 Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần 9

 Điều 15. Phát hành trái phiếu 10

 Điều 16. Thanh toán tiền mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty 10

 Điều 17. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần 10

 Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 10

 Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại 11

 Điều 20. Trả cổ tức 11

 Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức 12

Chương 3 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY12

 Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty 12

 Điều 23. Đại hội đồng cổ đông 13

 Điều 24. Cuộc họp ĐHĐCĐ và triệu tập họp ĐHĐCĐ 14

 Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ 15

 Điều 26. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ 16

 Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ 16

 Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ 16

 Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 17

 Điều 30. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ 17

 Điều 31. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ 18

 Điều 32. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 19

HD Capital JSC

Điều 33. Biên bản họp ĐHĐCĐ	21
Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ	21
Điều 35. Hiệu lực của nghị quyết ĐHĐCĐ	22
Điều 36. Hội đồng quản trị	22
Điều 37. Các cuộc họp của HĐQT	23
Điều 38. Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT	24
Điều 39. Chủ tịch HĐQT	24
Điều 40. Biên bản họp HĐQT	24
Điều 41. Tổng Giám đốc	25
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan	26
Điều 43. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	26
Điều 44. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT và Tổng giám đốc	27
Điều 45. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	27
Điều 46. Ủy Ban kiểm toán	28
Điều 47. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	29
Chương 4 NGHĨA VỤ, HẠN CHẾ VÀ ỦY QUYỀN.....	29
Điều 48. Nghĩa vụ của Công ty	29
Điều 49. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên của Công ty	29
Điều 50. Ủy quyền hoạt động	30
Chương 5 TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY.....	30
Điều 51. Năm tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế	30
Điều 52. Phân phối lợi nhuận,	30
Điều 53. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin	31
Chương 6 GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ.....	31
Điều 54. Giải thể	31
Điều 55. Phá sản công ty	31
Điều 56. Tổ chức lại công ty	31
Chương 7 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	32
Điều 58. Hiệu lực của Điều lệ	32
Điều 59. Điều khoản cuối cùng	32

Chương 1 ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh trong Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - “**Công ty**” được hiểu là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ HD được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008.
 - “**Cổ đông**” là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
 - “**Cổ phần**” là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.
 - “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
 - “**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 Điều lệ này.
 - “**Những người có liên quan**” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.
 - “**Luật doanh nghiệp**” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
 - “**Luật chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.
 - “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.
 - “**Giấy phép thành lập và hoạt động**” là Giấy phép do UBKNN cấp lần đầu khi mới thành lập và Giấy phép điều chỉnh về sau, được gọi tắt là “GP TL&HD”;
 - “**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**” là Giấy chứng nhận do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty, được gọi tắt là “GCNĐKKD”;
 - “**UBCKNN**” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - “**ĐHĐCĐ**” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
 - “**HDQT**” là Hội đồng quản trị của Công ty.
 - “**Thông tin cổ đông**” gồm: họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND hoặc thẻ CCCD, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên; địa chỉ thường trú; quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

HD Capital JSC

Điều 2. Hình thức và tên gọi Công ty

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
2. Cổ đông góp vốn thành lập công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.
4. Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các cổ đông.
5. Tên gọi Công ty:

Tên đầy đủ viết bằng tiếng Việt: **Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ HD**

Tên đầy đủ viết bằng tiếng nước ngoài: **HD Capital JSC**

Tên giao dịch tiếng Việt: **Công Ty CP QLQ HD**

Tên giao dịch tiếng nước ngoài: **HDCapital**

Điều 3. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Công ty được thành lập để thực hiện các hoạt động sau đây theo quy định của pháp luật hiện hành:

- a. Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- b. Quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán
- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác theo qui định pháp luật.

Điều 4. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Trụ sở chính: Tầng 5, 22-24-26 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM.
 - Điện thoại : (84 28) 39151818
 - Số Fax : (84 28) 39151616
 - Website : www.hdcap.vn
2. Việc thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo quyết định của ĐHĐCĐ và phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là không có thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động doanh chứng khoán.
2. Công ty có thể giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền .

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

Công ty có hai (02) Người đại diện theo pháp luật “NDDTPL” là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc của Công ty có quyền và nghĩa vụ được qui định trong Điều lệ này. NDDTPL của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác trong Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NDDTPL của Công ty.

–

Chương 2 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn Điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty là: 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Số vốn này được chia làm: 5.000.000 (Năm triệu) cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 (Mười nghìn) đồng.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 8. Cổ phần

1. Cổ phần của Công ty bao gồm các loại sau:
 - **Cổ phần phổ thông:** Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết. Tại thời điểm ban hành Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Tổng số cổ phần phổ thông là 5.000.000 (Năm triệu) cổ phần.
 - **Cổ phần ưu đãi:** Tùy theo tình hình thị trường và nhu cầu vốn của Công ty, HĐQT có thể kiến nghị lên ĐHĐCĐ để quyết định phát hành thêm một số cổ phần ưu đãi như: cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các loại cổ phần ưu đãi khác cùng với các phương cách áp dụng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện biểu Quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ trở lên có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của ban kiểm soát (nếu có), hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty
 - b. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát (nếu có) kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản;

HD Capital JSC

phải có thông tin Cổ đông; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - a. HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có Thông tin cổ đông; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, Ban kiểm soát (nếu có). Việc đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát (nếu có), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và Ban kiểm soát (nếu có). Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, Ban kiểm soát (nếu có) và các cổ đông khác đề cử.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông và HĐQT.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cổ phần ưu đãi và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

1. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi theo quyết định của ĐHĐCĐ. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

HD Capital JSC

- b. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - d. Cổ phần ưu đãi khác theo quy định pháp luật về chứng khoán
2. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi do ĐHĐCĐ quyết định.
 3. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu như sau:
 - Tên, trụ sở Công ty
 - Số và ngày cấp GP TL&HĐ;
 - Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - Thông tin cổ đông;
 - Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi phải ghi rõ nội dung các quyền của cổ đông.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
4. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mọi hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình xử lý sẽ do cổ đông nắm giữ cổ phiếu đó chịu trách nhiệm. Đề nghị cấp cổ phiếu mới của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
 - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ cổ đông từ khi được cấp GP TL&HĐ. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

HD Capital JSC

- Thông tin cổ đông;
 - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.
 4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
 5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 14. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong 03 (ba) số liên tiếp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - b. Thông báo phải có Thông tin cổ đông; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty/ Thời hạn theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;
 - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng thời hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do HĐQT quản lý. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản

HD Capital JSC

2 Điều 13 Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 15. Phát hành trái phiếu

Việc chào bán trái phiếu của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 16. Thanh toán tiền mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 17. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

HD Capital JSC

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty.
 - b. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ trụ sở Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có Thông tin cổ đông; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 20. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau đây: công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHCĐ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến

HD Capital JSC

cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
6. Trường hợp chỉ trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 19 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 20 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương 3 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY

Điều 22. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:
 - ĐHĐCĐ;
 - HĐQT;
 - Ủy ban kiểm toán và
 - Ban điều hành.
2. Cơ quan có thẩm quyền cao nhất là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT Công ty.
3. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm.